

Thực trạng quản lý và bảo vệ môi trường dựa trên văn hóa cộng đồng ở một số làng nghề ven sông Cà Lồ

Phạm Văn Lợi*

*Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 16 tháng 4 năm 2012

Tóm tắt: Văn hóa cộng đồng trong việc quản lý và bảo vệ môi trường là cách ứng xử của con người với môi trường được quy định trong hương ước, tục lệ, khoán ước,... của người Việt/Kinh, trong tập quán pháp, luật tục,... ở các tộc người thiểu số, thể hiện ở vai trò của dư luận xã hội và các tổ chức xã hội trong việc quản lý và bảo vệ môi trường. Bài viết tập trung nghiên cứu thực trạng quản lý và bảo vệ môi trường dựa trên văn hóa cộng đồng ở hai thôn Xuân Lai và Thu Thủy (Xuân Thu, Sóc Sơn) và các khu 5, 6, 7 (Thụy Lâm, Đông Anh) trong quá khứ và hiện tại, làm cơ sở để xây dựng và triển khai mô hình quản lý và bảo vệ môi trường dựa trên văn hóa cộng đồng tại các thôn/khu này và có thể triển khai trên địa bàn rộng hơn trong tương lai.

1. Đặt vấn đề

Trong thực tế cuộc sống, từ quá khứ đến hiện tại, hoạt động sản xuất trong các làng nghề, một mặt đem lại những lợi ích kinh tế xã hội to lớn, mặt khác là nguyên nhân gây ra nhiều tác động tiêu cực đến môi trường. Tuy nhiên, vấn đề ô nhiễm môi trường mới thực sự gây ra nhiều bức xúc đối với các cộng đồng cư dân ở nước ta trong khoảng vài chục năm gần đây. Vậy, trong hàng ngàn năm tồn tại trước đó, các cộng đồng dân cư trên đất nước Việt Nam đã giải quyết vấn đề này như thế nào để tình trạng ô nhiễm môi trường không xảy ra hoặc xảy ra trong mức độ có thể kiểm soát, chấp nhận được? Các nghiên cứu về tri thức địa phương hay hướng tiếp cận sinh thái học trong nhân học văn hóa trên thế giới và hướng tiếp cận sinh thái học nhân văn trong nhân học/dân tộc học ở Việt Nam [1-4],... đã chỉ rõ: để bảo

đảm sự cân bằng sinh thái, chống ô nhiễm môi trường, mỗi cộng đồng, mỗi dân tộc đều đã tạo dựng cho mình một hệ thống các quy định, chỉ rõ cách ứng xử của con người với môi trường. Những quy định này có thể lập thành văn bản, như: hương ước, tục lệ,... của người Việt, hay chỉ ở mức truyền miệng, như: tập quán pháp hay luật tục ở các dân tộc ít người. Chẳng hạn như trong bản hương ước cổ 600 năm trước của làng Quỳnh Đôi (Nghệ An) đã có những quy định nhằm bảo vệ môi trường [5]. Hầu hết các hương ước, ước lệ, khoán ước,... được dịch và in trong cuốn *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam* đều có các quy định tương tự [6]. Các quy ước của cộng đồng có những tác dụng nhất định đối với việc quản lý và bảo vệ môi trường. Không chỉ có vậy, qua quá trình tồn tại, ở mỗi cộng đồng cách thức ứng xử với môi trường, với hệ sinh thái của mỗi con người, mỗi tổ chức,... còn được hình thành và điều chỉnh bởi dư luận xã hội và tác động của các tổ chức xã hội. Những yếu tố đó được gọi chung là văn hóa cộng đồng, do các cộng đồng sáng tạo ra, được

*ĐT: 84-983986623.

E-mail: ploivme@gamil.com

cộng đồng điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện, có tác động tích cực tới môi trường.

Hiện nay, hệ thống các quy định cùng khả năng điều chỉnh hành vi của dư luận xã hội và các tổ chức xã hội vẫn đang thể hiện được vai trò quan trọng trong việc quản lý và bảo vệ môi trường. Nhiều quy định, thể ứng xử của con người với môi trường đang từng bước được điều chỉnh và hoàn thiện cho phù hợp với điều kiện cuộc sống mới, như: các bản hương ước mới hay các bản quy ước bảo vệ môi trường ở các làng của người Việt. Thực tế này cũng đã và đang được giới khoa học quan tâm nghiên cứu [2,3,7],... Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu mới dừng lại ở mức chỉ ra những nét đẹp của văn hóa cộng đồng trong việc quản lý và bảo vệ môi trường. Chưa có công trình nào đặt vấn đề nghiên cứu, sử dụng những yếu tố tích cực của văn hóa cộng đồng, xây dựng mô hình quản lý và bảo vệ môi trường nhằm áp dụng và nhân rộng trong thực tiễn cuộc sống.

Bài viết tập trung tìm hiểu thực trạng quản lý và bảo vệ môi trường dựa trên văn hóa cộng đồng ở một số thôn/khu ven sông Cà Lồ (thôn Xuân Lai, Thu Thủy xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn và khu 5, 6, 7 xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội) trong quá khứ và hiện tại, từ đó xây dựng và triển khai mô hình quản lý và bảo vệ môi trường dựa trên văn hóa cộng đồng tại các thôn/ khu này, làm cơ sở triển khai trên địa bàn rộng hơn trong tương lai, góp phần vào việc phát triển bền vững làng nghề ở nước ta.

Xuân Lai và Thu Thủy là hai thôn nằm về phía bắc sông Cà Lồ; Khu 5, 6 và 7 xưa là thôn Thụy Lôì (làng Nhội), một làng cổ nằm ở bờ Nam sông, trong vùng đất bồi màu mỡ, nơi cư dân luôn coi dòng sông là một trong những con đường giao thông chủ yếu để mở rộng giao lưu, trao đổi với bên ngoài. Cả Xuân Lai và Thụy Lôì đều chưa phải là những làng nghề truyền thống. Trước đây, vào thời điểm nông nhàn, cư dân hai làng cũng làm một số nghề phụ, như nghề mộc và nghề mây tre đan, nhưng với quy mô nhỏ, chủ yếu phục vụ tiêu dùng trong gia đình. Hiện nay, ở cả hai khu vực này đều đã xuất hiện những nghề được chuyên môn hóa cao, sản xuất với quy mô lớn, không chỉ đem

lại thu nhập chính cho đại đa số dân làng mà còn thu hút nhiều người từ các làng xung quanh đến, làm hình thành các làng nghề mới. Đó là nghề nấu rượu kết hợp với nuôi lợn ở Xuân Lai và nghề chế biến đồ gỗ ở khu 5, 6 và khu 7. Năm 2009, thôn Thu Thủy được công nhận là làng nghề truyền thống mây tre đan [8]. Vào thời điểm hiện nay, bên cạnh nghề mây tre đan, người dân thôn Thu Thủy còn phát triển thêm nhiều nghề khác, như nghề thu mua phế liệu, nghề mộc và nghề giặt bao bì,... Bên cạnh đó, ở các thôn, khu trên còn một số nghề thu hút một lượng nhất định cư dân tham gia, với Thu Thủy và khu 5, 6, 7 là nghề làm đậu và nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm; với Xuân Lai là nghề mộc và nghề làm đậu,...

Để hoàn thành bài viết, ngoài tư liệu cá nhân, tác giả còn sử dụng tư liệu của nhóm thực hiện đề tài “Xây dựng và triển khai mô hình quản lý và bảo vệ môi trường dựa trên văn hóa cộng đồng ở một số làng nghề ven sông Cà Lồ”. Nhóm đã tiến hành nhiều chuyến nghiên cứu thực địa: thu thập số liệu có liên quan từ các báo cáo tình hình kinh tế, xã hội và môi trường tại địa bàn; quan sát, ghi chép từ thực tế cuộc sống; phỏng vấn lãnh đạo địa phương, cán bộ môi trường, lãnh đạo các tổ chức xã hội, giáo viên, học sinh và những người dân về thực trạng quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn vào thời điểm hiện tại. Để có tư liệu về quản lý và bảo vệ môi trường trong quá khứ, bên cạnh việc khai thác nguồn tài liệu trong các công trình nghiên cứu đã xuất bản, các văn bản được lưu giữ tại địa phương, chúng tôi còn tiến hành phỏng vấn hồi cố hàng chục người cao tuổi trên địa bàn. Tất cả những tư liệu đó đã được tổng hợp, phân tích, so sánh, đối chiếu,... để nhận rõ thực trạng công tác quản lý và bảo vệ môi trường dựa trên văn hóa cộng đồng ở địa bàn nghiên cứu trong quá khứ và hiện tại.

2. Thực trạng quản lý và bảo vệ môi trường dựa trên văn hóa cộng đồng ở khu 5, 6, 7 xã Thụy Lâm

Các khu 5, 6, 7 xã Thụy Lâm (nằm trên địa bàn thôn Thụy Lôì xưa) đều không còn giữ

được hương ước cổ. Tuy nhiên, trong cuốn Hương ước Hà Nội (2 tập) có in bản hương ước của xã Đào Thục (thuộc tổng Xuân Nộn, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên) với 6 điều quy định liên quan đến vấn đề vệ sinh môi trường [9]. Không chỉ có xã Đào Thục, hương ước của hầu hết các xã thuộc huyện Đông Anh được in trong cuốn sách này đều có các quy định tương tự. Về mặt địa lý, thôn Đào Thục hiện nằm kề bên các khu 5, 6, 7, đều thuộc xã Thụy Lâm. Vì vậy, rất có thể đó cũng chính là những quy định về vệ sinh môi trường của cư dân thôn Thụy Lôi trước kia. Đây là một trong những nét đẹp của văn hóa cộng đồng trong xã hội truyền thống cần được lưu giữ và phát huy trong cuộc sống đương đại. Không chỉ có vậy, theo trí nhớ của người dân, trong quá khứ cư dân nơi đây còn nhiều quy định không thành văn nhằm bảo vệ môi trường, đặc biệt là bảo vệ nguồn nước và giữ gìn vệ sinh làng, xóm. Trước đây, cứ đến 50 tuổi, cả đàn ông và đàn bà trong làng đều được vào hội Hương lão. Vào ngày lễ hội, những người trong hội đều mặc áo the, đội khăn sếp, lên đèn Sái tế lễ. Những người vào vai vua, chúa và các quan phục vụ lễ hội luôn được chọn trong số những người thuộc hội Hương lão, lần lượt theo tuổi, từ cao xuống thấp. Tiêu chuẩn lựa chọn được làng thống nhất là vợ chồng song toàn, có đạo đức tốt, phương trường, con cái đầy đủ và phải thực hiện tốt các quy định của làng, xã. Việc được tham gia vào đám rước ngày lễ hội, trong vai vua, chúa hay các quan là một niềm vinh dự lớn không chỉ của gia đình mà còn là vinh dự của cả dòng họ, xóm ngõ. Chính vì vậy, các gia đình đều hết sức cố gắng thực hiện tốt các quy định của làng, xã để có người được chọn vào các vai diễn ngày lễ hội. Trong các quy định đó đương nhiên có những quy định về bảo vệ môi trường, như đã đề cập ở trên.

- *Sử dụng và bảo vệ nguồn nước*: Người dân có tinh thần tự giác trong việc quản lý và bảo vệ môi trường, cụ thể và cần thiết nhất là bảo vệ nguồn nước. Trước đây, thôn Thụy Lôi có 2 xóm: Trên làng và Dưới bến. Người dân trong thôn dùng nước cho ăn, uống lấy từ con sông đào (ngay trước cửa đình Thụy Lôi hiện

nay) hoặc từ sông Cà Lồ. Trên sông khi đó cũng có bè tre, nứa, gỗ...; có thuyền chở than, gạch, ngói,... nhưng nước sông còn sạch, chưa bị ô nhiễm. Người dân thường ra sông gánh nước ăn ở Bến Thố, nơi nền đất trơ cứng, có cả những tảng đá ong đứng mức nước rất tiện. Họ gánh nước ăn cả buổi sáng và buổi chiều, nhưng đông nhất là vào buổi sáng, khi nước sông trong vắt sau một đêm không chịu tác động của con người. Khi đó sông Cà Lồ còn là nơi người dân tắm rửa, giặt giũ. Thậm chí, bãi cỏ bờ sông còn là chỗ họ chăn thả trâu, nên sông cũng là nơi trâu uống nước, là chỗ người dân tắm cho trâu. Tuy nhiên, có một quy định không thành văn nhưng tất cả cư dân đều nghiêm túc thực hiện để giữ sạch nguồn nước ăn cho bản thân, gia đình và cộng đồng. Đó là chỗ người tắm ở phía dưới diềm lấy nước sinh hoạt và chỗ thả, tắm cho trâu ở phía dưới cùng.

Một số người cao tuổi cho biết, khoảng những 1956-1957 nước sông Cà Lồ bắt đầu bị nhiễm bẩn, các xóm ngõ phải chỉnh sửa, tu bổ lại những giếng nước đã có hoặc đào, xây mới một số giếng nước phục vụ nhu cầu nước sạch của cư dân. Thời gian đầu do chưa quen, một số gia đình thấy nước giếng khó ăn nên vẫn tiếp tục lấy nước sông về ăn uống hoặc gánh nước ao làng cho phèn vào làm nước ăn. Tuy nhiên, số gia đình dùng nước sông cho ăn uống ngày một ít. Có thể nói, vào thời điểm đó, xóm ngõ nào cũng có giếng để lấy nước ăn. Dân làng còn ghi nhớ vào thời điểm đó tại khu 5 có một giếng nước; khu 6 có 2 giếng. Riêng khu 7, số lượng giếng đào xuất hiện nhiều hơn: ngõ Ngang có 2 giếng; ngõ Na một giếng; ngõ Thị một giếng. Một số người cho rằng xóm Chùa từ xưa đã có một giếng hình vuông nước dùng để ăn uống rất tốt.

Giếng thường được đào rất sâu nên nước trong và sạch. Lúc đầu xung quanh giếng là bờ đất, sân đất; sau đó người dân góp công, góp của xây bờ giếng và sân giếng rộng rãi, vững chãi bằng gạch. Mọi người cùng nhau dọn vệ sinh sân giếng và khu vực xung quanh nên giếng nào cũng sạch sẽ. Giếng là nơi người dân không được tắm giặt. Họ chỉ được đứng trên

cầu hoặc bậc tam cấp múc lấy nước đem về nhà sử dụng. Họ luôn ý thức và tự bảo ban nhau, nhắc nhở con cháu không làm bẩn giếng, nơi cung cấp nước ăn cho làng. Ngồi lên trên thành, bờ giếng cũng là điều cấm kỵ. Nếu ai làm việc đó, sẽ được mọi người nhắc nhở hoặc báo với bố mẹ để kịp răn đe, không cho hành vi đó tái hiện.

Do sự phát triển dân cư và các hoạt động kinh tế, các loại rác và nước thải ngày một tăng, ngấm vào lòng đất làm cho chất lượng nước giếng đào ngày một xuống cấp. Cách đây khoảng 20 - 30 năm, người dân Thụy Lô bắt đầu thuê khoan giếng, lắp máy bơm lấy nước ngầm phục vụ mọi nhu cầu của gia đình. Những chiếc giếng đào không còn vai trò như trước nên dần đi vào quên lãng. Hầu hết số giếng đào trên địa bàn đều đã bị lấp lấy chỗ xây nhà, làm đường hoặc xây dựng các công trình công cộng.

Trước kia, khi cư dân còn ít, đất còn rộng, mỗi gia đình ngoài diện tích đất dành để dựng nhà ở, bếp, làm chuồng nuôi gia súc, gia cầm vẫn còn một diện tích đất khá lớn dành để trồng cây và đào ao thả cá. Một phần chất thải rắn sinh hoạt (cọng rau, cơm, canh thừa,...) được dành để nuôi gà, lợn; phần khác (cỏ rác, giấy vụn,...) được đem đốt hoặc đổ ra vườn cho mục. Chất thải từ chăn nuôi hầu hết được sử dụng làm phân bón ruộng. Một phần nước thải cũng được dùng để tưới cây; phần đổ ra ao, hồ,... không đáng kể, chưa gây hại cho môi trường. Khi mưa xuống, phần lớn nước mưa ngấm ngay xuống đất, phần còn lại chảy ra ao, hồ, kênh rạch, sông ngòi. Chỉ những khi có bão, mưa lớn, nước từ thượng nguồn đổ xuống mới xuất hiện những vụ ngập, lụt.

Gần đây, dân cư ngày càng đông, nhu cầu đất ở và đất dành cho các hoạt động công đồng ngày càng tăng; nhu cầu mở rộng chuồng trại chăn nuôi ngày càng mạnh và cấp bách. Xu hướng bê tông hoá làng xóm ngày một rõ. Không chỉ có vậy, do điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội thuận lợi, cả 3 khu 5, 6, 7 đã trở thành một điểm gia công, sản xuất đồ gỗ có uy tín. Các xưởng sản xuất, gia công đồ gỗ ngày một phát triển, mở rộng, thu hút không chỉ người dân trong thôn/khu mà cả các nhóm thợ ở các

nơi đến làm thuê kiếm sống. Diện tích đất dành để trồng cây, đào ao,... ngày càng bị thu hẹp; các loại rác thải, cả rác thải rắn và nước thải, cả rác sinh hoạt, rác chăn nuôi và nghề phụ, ngày càng tăng buộc người dân phải vớt rác ra đường, ra đồng tạo ra những đống rác lớn. Vườn không còn, ruộng lúa, ruộng mầu ít bón phân hữu cơ nên người dân phải tìm cách thải phân lợn, phân gà vào đường thoát nước. Tất cả đều không được xử lý, mầu đen ngòm, bốc mùi hôi thối, ảnh hưởng xấu tới sức khỏe cư dân. Diện tích vườn cây, ao hồ,... ngày càng thu hẹp làm cho nước thải, nước mưa không có nơi tiêu thoát, cũng là một nguồn gây ô nhiễm trầm trọng, đặc biệt là vào mùa mưa.

• *Tận dụng và thu gom rác thải*: Để tránh tình trạng ô nhiễm do rác thải, lãnh đạo các thôn/khu đã vận động cư dân đóng tiền để thành lập các tổ thu gom rác. Tuy nhiên, việc thu gom rác đưa ra bãi rác gần làng (trước kia) hay ra điểm tập trung rác trước khi chuyển lên xe chở rác bị coi là công việc vất vả, bẩn và thu nhập thấp. Vì vậy công tác vận động, tìm người vào các tổ thu gom rác ở khu 5, 6, 7 nói riêng, các thôn/ khu trên địa bàn xã Thụy Lâm nói chung, là việc làm khó khăn. Hiện nay, vợ của 2 ông Phó trưởng khu 7 đều phải tham gia làm công việc này cho thấy đó là việc làm khó khăn, nhưng cũng có thể coi đó là một sáng kiến, một sự cố gắng của lãnh đạo các thôn/khu nơi đây.

Thực tế thu gom rác bảo vệ môi trường ở các khu 5, 6, 7 đã xuất hiện một tấm gương tốt. Đó là ông Nguyễn Hữu Chất, 58 tuổi, là cư dân xóm Ngõ Na, khu 7. Ông đã đảm nhận việc thu gom rác thải được hơn 7 năm, từ năm 2002 - 2010. Một mình ông đảm nhiệm việc thu gom, vận chuyển rác của cả khu này và nửa khu 6, với khoảng 600 hộ dân. Năm 2008, ông được Ban chấp hành Liên đoàn lao động huyện tặng giấy khen vì đã có thành tích trong phong trào giữ gìn vệ sinh môi trường (VSMT). Ông tâm sự, do làm một mình nên rất mệt. Mỗi khi đẩy xe rác đến chân đê phải xách bỏ bớt ra, mới đủ sức đẩy qua. Để hoàn thành công việc, sáng phải dậy từ 4h30, 5h00 là bắt tay vào việc. Mỗi ngày đi thu gom rác ở 2 - 3 ngõ, lần lượt cho

đến hết rồi lại quay lại ngõ ban đầu. Ông cho biết công việc không chỉ vất vả mà còn có nhiều điều khó nói. Có từ 20 - 30% số gia đình trong các xóm, ngõ không đóng tiền vệ sinh. Thêm nữa, tình trạng nợ phí vệ sinh cũng nhiều. Họ khất lần, khất lượt. Có gia đình chồng không đóng, vợ đóng rồi đánh chửi lẫn nhau vì số tiền vệ sinh.

Trước thực trạng ô nhiễm môi trường ngày càng tăng, năm 2010 lãnh đạo UBND xã đã tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện *Quy ước dân chủ xây dựng thôn, làng văn hóa, an toàn, đảm bảo vệ sinh môi trường*⁽¹⁾. Phần III bản quy ước với tiêu đề “*Xây dựng thôn, khu đảm bảo vệ sinh môi trường*” có một số quy định nhằm quản lý và bảo vệ môi trường, tập trung vào 3 vấn đề: (1) “Thực hiện đảm bảo VSMT trong sinh hoạt sản xuất”, (2) “Thực hiện các quy định giữ gìn VSMT trong lĩnh vực xây dựng” và (3) “Thực hiện VSMT trong sản xuất kinh doanh”. Phần cuối, văn bản khẳng định “*Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt được biểu dương, khen thưởng. Nếu vi phạm, tùy theo tính chất và mức độ cụ thể sẽ bị xử lý theo pháp luật*” [10].

Tháng 11/2010, lãnh đạo xã đã ra quyết định giao cho cô Nguyễn Thị Thanh Xuân, một cán bộ trẻ (sinh 1988) giữ chức Cán bộ Môi trường xã. Cô Xuân là người trong xã, tốt nghiệp ngành Quản lý môi trường, khoa Khoa học Môi trường, trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên. Ngay sau khi tốt nghiệp (năm 2009) cô đã về công tác tại xã, làm cán bộ văn phòng. Sau khi giữ chức cán bộ Môi trường xã cô vẫn tiếp tục làm công việc của một cán bộ văn phòng. Là cán bộ Môi trường xã cô có trách nhiệm kiểm tra, phát hiện các vấn đề về môi trường trên địa bàn, báo cáo tình hình cho lãnh đạo xã (trực tiếp là Phó chủ tịch UBND phụ trách các vấn đề văn hóa xã hội), tư vấn cho lãnh đạo xã cách thức giải quyết. Sau đó, nếu được giao, cô sẽ thay mặt lãnh đạo xã, trực tiếp

chỉ đạo/Thực hiện các biện pháp khắc phục. Ngay sau khi nhận nhiệm vụ mới, công việc quan trọng nhất của cô là phát hiện và san lấp các bãi rác tự phát trên địa bàn. Dịp tết Nguyên đán 2011, cô đã phát hiện và tổ chức san lấp được 2 bãi rác.

Để hạn chế ô nhiễm, bảo vệ môi trường, lãnh đạo UBND xã đã có nhiều cố gắng trong việc tuyên truyền vận động cư dân tự giác thực hiện các quy định trong Quy ước dân chủ xây dựng thôn, làng văn hóa, an toàn, đảm bảo vệ sinh môi trường của xã. Việc tuyên truyền, vận động được tiến hành ở các xóm, ngõ; các tổ chức xã hội, trong Hội nghị quần dân chính và thông qua đài truyền thanh xã. Cán bộ phụ trách đài đã tích cực sưu tầm các bài viết/bài nói trên các phương tiện truyền thông đại chúng từ trung ương đến địa phương để đọc và phát trên đài. Các bài nói tập trung về vấn đề môi trường, các nguồn gây ô nhiễm, tác hại của ô nhiễm môi trường tới sức khỏe và đời sống của cư dân, cách thức bảo vệ và quản lý môi trường, hạn chế tác động xấu của con người tới môi trường. Ngoài ra, đài truyền thanh xã và các thôn/ khu còn tích cực phát các bài viết của lãnh đạo UBND, lãnh đạo các tổ chức xã hội về các vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường, như bài viết “*Bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp*” của ông Trần Văn Lai, Ban Chỉ đạo vệ sinh môi trường xã, hay bài “*Tích cực tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường*” và bài “*Tích cực tham gia làm sạch đẹp môi trường*” của Ban Chỉ đạo vệ sinh môi trường xã,...

Vào các dịp lễ tết, lãnh đạo UBND xã và các thôn/khu đã tiến hành vận động các tổ chức xã hội, như: hội Phụ nữ, đoàn Thanh niên CSHCM,... cũng như toàn thể cư dân trong các thôn/ khu tham gia tổng vệ sinh môi trường trên đường làng, ngõ xóm. Trong những buổi tổng vệ sinh này, các hội viên hội Phụ nữ và một số đoàn viên đoàn Thanh niên luôn được đánh giá là những người tham gia tích cực nhất với hiệu quả cao nhất. Chi hội phụ nữ ở các thôn/khu còn trực tiếp nhận quản lý và bảo vệ môi trường trên những con đường, những khu vực chính trong thôn/khu. Hàng năm, vào dịp tổ chức lễ

⁽¹⁾ Bản Quy ước này được ban hành kèm theo Quyết định số 7620/2010/QĐ-UBND về việc phê chuẩn quy chế, quy ước thực hiện dân chủ ở xã Thụy Lâm, do Chủ tịch UBND huyện Đông Anh (Phạm Văn Châm) ký ngày 30/12/2010.

hội đền Sái, khu 5, 6, 7 luân phiên nhau chịu trách nhiệm đảm bảo vệ sinh môi trường cho toàn bộ lễ hội. Trong các dịp này, những người được giao trách nhiệm quan trọng đó lại là chị em phụ nữ, hội viên Chi hội phụ nữ các thôn/khu.

Bắt đầu từ giữa năm 2010, để giải quyết những bãi rác tự phát trên địa bàn; giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường do rác thải, UBND xã đã ký hợp đồng vận chuyển rác thải với Xi nghiệp MTĐT huyện. Mỗi tuần 3 lần xe chở rác của Công ty về các điểm tập kết rác thải (chân rác) ở các thôn/khu đưa toàn bộ số rác thải đã được chắt trong những chiếc xe rác đẩy tay lên ô tô chở đến bãi rác Nam Sơn.

Tháng 2/2011 toàn xã có 50 xe đẩy tay vận chuyển rác. Do có nhiều xe hỏng và nhu cầu xe đẩy rác tăng nhanh nên năm 2011 xã đã mua và cấp thêm cho các tổ thu gom rác thải các thôn/khu gần 50 xe. Khu 5 tự đầu tư mua thêm 16 xe. Khu 7 hiện có hơn 2.700 dân, với 625 hộ, sống tập trung thành 5 xóm (xóm Ngõ Na, xóm Ngõ Ngang (2 xóm), xóm Ngõ Thị và Đội 24). Đầu năm 2012, cả khu 7 có 8 chiếc xe (hỏng mất 1 chiếc) phân cho 5 tổ thu gom, mỗi tổ có hai người, chủ yếu là chị em phụ nữ cao tuổi. Do thu nhập thấp, công việc bị coi là bẩn, nặng nhọc, lớp con cháu không chịu cho bố mẹ, ông bà làm việc này nên phải thật may mắn mới huy động đủ 10 người, thường chỉ có 5 - 6 người phụ trách cả 5 tổ. Thậm chí, nhiều thời điểm cả khu chỉ có 3 người phụ trách 5 tổ thu gom rác. Ngoài khoản hỗ trợ của UBND xã, chi phí cho hoạt động thu gom rác do các hộ dân tự đóng. Mức độ và hình thức thu phí vệ sinh do các thôn/khu tự quyết định và các tổ thu gom rác trực tiếp thu. Với các mục đích khác nhau, nhiều gia đình dù chỉ có 5 - 7 người, sống trong một ngôi nhà lại tách ra thành nhiều hộ, nhưng khi nộp phí vệ sinh họ lại chỉ nộp phí của một hộ. Họ cho rằng gia đình họ chỉ có số người tương đương với các hộ gia đình khác nên nộp như thế là đủ! Gần đây lãnh đạo và cư dân trong khu thống nhất thu phí vệ sinh ở mức 10.000đ/hộ (các hộ kinh doanh thu 20.000đ/tháng; đám cưới thu 50.000đ/đám). Cả

khu có hơn 600 hộ nhưng thường chỉ thu được phí vệ sinh khoảng 300 hộ. Để duy trì hoạt động của tổ thu gom 3 lần một tuần, khu hỗ trợ mỗi tổ 100.000đ/tháng từ các khoản kinh phí khuyến góp, tiền công đức của đền chùa,...

3. Thực trạng quản lý và bảo vệ môi trường dựa trên văn hóa cộng đồng ở thôn Thu Thủy và Xuân Lai xã Xuân Thu

Tương tự như cư dân khu 5, 6, 7 (xã Thụy Lâm), cư dân hai thôn Xuân Lai và Thu Thủy cũng không lưu giữ được hương ước cổ của quê hương. Nhưng có thể khẳng định, các quy định nhằm bảo vệ môi trường tương tự trong hương ước thôn Đào Thục cũng đã từng có giá trị trong cuộc sống của cư dân hai thôn Xuân Lai và Thu Thủy.

- *Nguồn nước sinh hoạt và nước thải:* Do sống cạnh sông Cà Lồ nên trước đây cư dân các thôn Xuân Lai và Thu Thủy cũng sử dụng nước sông phục vụ các sinh hoạt hàng ngày, từ ăn uống đến tắm rửa, giặt giũ. Chính vì vậy, bên cạnh các quy định bảo vệ môi trường trong hương ước, cư dân các thôn cũng có những quy định trong việc giữ gìn nguồn nước. Dân làng còn ghi nhớ để giữ cho nước sông trong sạch, trước đây người dân không vứt bất kỳ thứ gì xuống dòng sông. Phụ nữ đến tháng tự giác không xuống sông tắm và cũng không xuống sông giặt giũ. Khi cần giặt quần, áo họ phải múc nước sông lên đem giặt ở xa sông hoặc phải giặt quần áo ở những ao, hồ xa làng. Một số người giải thích họ làm như vậy là do sợ bị thường luồng, thần nước trị tội. Tuy nhiên, đa số cư dân cho rằng họ làm như vậy để giữ cho nước sông trong sạch.

Cũng tương tự như cư dân khu 5, 6, 7, khi nước sông Cà Lồ bị ô nhiễm người dân Thu Thủy và Xuân Lai phải chuyển dần sang sử dụng nước giếng đào. Họ cũng phải tuân thủ những quy định của làng, luôn quan tâm đến việc giữ gìn cho nước giếng trong sạch. Vài chục năm gần đây, khi kinh tế phát triển, đời sống cư dân ngày một khá hơn, cùng với sự gia tăng dân số,

các hoạt động kinh tế ngày một phát triển. Cư dân không chỉ trồng trọt, chăn nuôi theo lối tự cung tự cấp mà họ tiến dần tới các hoạt động sản xuất hàng hóa để bán ra thị trường thu lợi. Tiêu biểu cho các hoạt động này là nghề nuôi lợn, nấu rượu (ở Xuân Lai) và gia công sản xuất đồ mây, tre (ở Thu Thủy). Chính vì vậy, diện tích đất ở của hai thôn ngày một thu hẹp, nguồn chất thải từ sinh hoạt, chăn nuôi và nghề phụ ngày một tăng làm cho môi trường ngày càng bị ô nhiễm. Thực trạng đó buộc các gia đình phải khoan giếng phục vụ cho cuộc sống gia đình. Thậm chí, môi trường ô nhiễm đã ảnh hưởng tới cả nguồn nước ngầm. Vào thời điểm hiện tại, nguồn nước giếng khoan ở độ sâu 20m cũng không còn đảm bảo. Để có nước sạch phục vụ sinh hoạt gia đình, các hộ dân ở đây phải cho nước giếng khoan qua bể lọc (tự tạo) hoặc máy lọc.

Vấn đề ô nhiễm môi trường ở Xuân Lai và Thu Thủy đã đến mức báo động, đặc biệt là ở Xuân Lai. Nhiều người dân khẳng định môi trường ở làng quê họ ô nhiễm hàng đầu trong cả nước. Nguồn gây ô nhiễm chủ yếu là các chất thải sinh hoạt và chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi lợn. Các gia đình ở đây nuôi lợn kết hợp với nấu rượu hoặc làm đậu. Mỗi gia đình nuôi từ vài chục đến hàng trăm con lợn, mỗi năm bán tới vài tấn lợn hơi. Rác thải từ nuôi lợn và nấu rượu hoặc làm đậu ở Xuân Lai không được xử lý đổ ra đường thoát nước thải của làng gây ô nhiễm môi trường nước và môi trường không khí một cách nghiêm trọng. Nguồn nước và rác thải đã làm cho toàn bộ khu cư trú của làng chìm trong một mùi hôi thối khó chịu, suốt từ sáng sớm đến đêm khuya. Tình trạng này đặc biệt nghiêm trọng ở khu vực Trường Mẫu giáo của xã (trên đất Xuân Lai), nơi đường thoát nước thải lộ thiên thu nhận toàn bộ nguồn nước thải của thôn trước khi chảy qua cánh đồng rồi đổ vào đầm Mỏ trên đất Thu Thủy. Thôn Thu Thủy chỉ có hơn chục nhà nuôi khoảng 20 - 30 con lợn; vài gia đình nuôi từ 500 - 1000 gà đẻ. Tuy nhiên, do nhận nguồn nước thải từ Xuân Lai chảy xuống nên toàn bộ mặt nước đầm Mỏ, đầm có diện tích lớn nhất trong xã, đã bị ô

nhiễm nặng. Có tới vài chục ha ruộng quanh đầm không cấy được hoặc có cấy cũng không được thu hoạch do ảnh hưởng của nước thải.

Trước tình trạng đó, UBND xã đã có những quyết sách bước đầu nhằm giảm thiểu tình trạng ô nhiễm. Căn cứ theo Hướng dẫn số 28/HD-UBND ngày 14/03/2007 của UBND huyện Về việc hướng dẫn thực hiện công tác vệ sinh môi trường; Thực hiện Nghị quyết NQ-HĐND ngày 2/7/2008 phê chuẩn báo cáo số 68/BC-UBND ngày 26/6/2008 của UBND xã Xuân Thu Về thực trạng và những giải pháp thực hiện công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn xã, UBND xã đã xây dựng và công bố Kế hoạch Tổ chức thực hiện công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Xuân Thu (số 02A/KH-UBND, do Phó Chủ tịch UBND xã ký ngày 10/01/2009). Thực hiện kế hoạch này, năm 2010 UBND xã đã ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo VSMT xã gồm 13 thành viên, trong đó đ/c Phó chủ tịch UBND xã phụ trách môi trường là Trưởng ban; đ/c đại diện UBMTTQ xã làm Phó trưởng ban và 11 Ủy viên, bao gồm cán bộ Văn hóa, Môi trường xã và đại diện các tổ chức xã hội trong xã, như hội Phụ nữ, đoàn Thanh niên, hội Cựu chiến binh, Trưởng các thôn và Trạm trưởng Trạm Y tế xã. Ngày 1/9/2010 UBND xã quyết định bổ nhiệm anh Hoàng Văn Lắm, Phó bí thư Đoàn xã, giữ chức cán bộ Môi trường xã. Theo công văn hướng dẫn của UBND huyện và quyết định bổ nhiệm của UBND xã, anh Lắm là cán bộ giúp việc cho cán bộ địa chính xã, chịu sự chỉ đạo và trực tiếp báo cáo công việc trước cán bộ địa chính xã. Tuy nhiên, anh Lắm cũng có trách nhiệm tư vấn cho lãnh đạo xã các vấn đề về môi trường. Anh cho biết, thời gian gần đây anh thường nhận chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Phó chủ tịch xã phụ trách môi trường. Khi có vấn đề về môi trường anh cũng thường báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo trực tiếp từ cán bộ địa chính và đồng chí Phó chủ tịch UBND xã.

Được sự cho phép của Lãnh đạo UBND huyện và xã, Plan “một tổ chức nhân đạo quốc tế, tổ chức phát triển lấy trẻ em làm trung tâm” [11] đã lấy tình nguyện viên tiến hành khảo sát đánh giá thực trạng vệ sinh môi trường ở 5 xã

thuộc huyện Sóc Sơn (trong đó có Xuân Thu). Trên cơ sở đó Plan đã hợp tác và hỗ trợ hoạt động của Dự án WASH “Cải thiện tình trạng nước và sức khỏe liên quan đến vệ sinh tại 5 xã huyện Sóc Sơn” trong thời gian 3 năm (9/2009-8/2012). Ngày 23/2/2011 huyện đã phối hợp với Plan tổ chức hội thảo tìm phương án giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường trên địa bàn. Do là một làng cổ nên Xuân Lai được Nhà nước đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải. Công ty Bắc Việt đã tiến hành khảo sát tình trạng nước thải ở Xuân Lai để thiết kế và xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho làng với tổng kinh phí 4 tỷ. Theo dự toán, năm 2012, Xuân Lai sẽ được đầu tư 1,2 tỷ cho công việc này, nhưng do một số nguyên nhân dự án đang tạm bị dừng lại.

Cho đến thời điểm hiện tại, UBND xã Xuân Thu chưa triển khai kế hoạch xây dựng *Quy ước dân chủ xây dựng thôn, làng văn hóa, an toàn, đảm bảo vệ sinh môi trường* như xã Thụy Lâm. Tuy nhiên, ngay từ năm 2000, trong bản Quy ước làng văn hóa thôn Xuân Lai và Yên Phú (2/3 thôn thuộc xã Xuân Thu) đều có các quy định liên quan đến việc quản lý và bảo vệ môi trường. Trong *Quy ước làng văn hóa của thôn Xuân Lai*, điều 18 ghi rõ “Giữ gìn vệ sinh môi trường chung, không thả súc vật bừa bãi, không đổ rác ra đường, mà tự các hộ có biện pháp xử lý tại nhà. Không phóng uế bừa bãi, không ủ phân ở lề đường làm cản trở giao thông, mất vệ sinh, vẻ đẹp cảnh quan” [12]. Điều 39 *Quy ước làng văn hóa thôn Yên Phú* quy định “Không để trâu bò buộc ở ven làng có cây bóng mát; Không dẫn chặt cây, bẻ ngọn ở nơi công cộng; Không thải nước bẩn, phân tro ỉ ra ngoài đường làng ngõ xóm và hồ chứa nước phân; thực hiện tốt khẩu hiệu sạch làng tốt ruộng” [13]. Bản Quy ước làng văn hóa của thôn Thu Thủy hiện không còn được lưu giữ. Tuy nhiên, có thể khẳng định những nội dung liên quan đến vấn đề quản lý và bảo vệ môi trường trong Quy ước làng văn hóa thôn Thu Thủy cũng tương tự như các quy định về vấn đề này trong Quy ước làng văn hóa của thôn Xuân Lai và Yên Phú.

• *Công tác thu gom rác thải*: Để giảm bớt tình trạng ô nhiễm môi trường, UBND xã cũng đã có chính sách hỗ trợ cho những người trực tiếp làm công tác VSMT. UBND xã hỗ trợ kinh phí cho những người làm công tác thu gom rác trong 3 tháng đầu. Sau đó, hoạt động này dựa vào nguồn kinh phí thu từ các hộ dân. Tổ chức Plan cũng hỗ trợ 500.000đ/thôn/tháng cho việc tập trung rác thải. UBND huyện và tổ chức Plan cũng đã trang bị cho xã một số lượng khá lớn xe chở rác. Không chỉ có vậy, do là một trong những xã nghèo của huyện nên Xuân Thu còn được huyện hỗ trợ từ 25 - 30 triệu đồng/năm để thuê ô tô của Xi nghiệp MTĐT huyện chuyên rác thải ra khỏi xã với điều kiện phải tổ chức được các tổ thu gom, xây dựng các điểm tập trung rác. Sau thời gian dài vận động, cho đến thời điểm hiện tại xã vẫn chưa xây dựng được các điểm chôn rác, đã tổ chức nhưng chưa duy trì được hoạt động của các tổ thu gom rác. Chính vì vậy, xe của Xi nghiệp MTĐT huyện vẫn chưa thể về xã vận chuyển rác. Hiện tại rác vẫn được đổ bừa bãi khắp xã, đặc biệt là hai bên con đê chạy dọc theo sông Cà Lồ trên địa bàn, là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường trầm trọng trên toàn xã.

Khi xã vận động tổ chức các tổ thu gom rác, trong 12 xóm ngõ thuộc thôn Xuân Lai có một xóm duy trì được hoạt động của tổ thu gom rác trong một thời gian khá dài. Đó là xóm Mới Cầu (đội 12). Xóm Mới Cầu có gần 90 hộ dân, mỗi hộ nộp 10.000đ/tháng, thuê 2 hộ đứng ra đảm nhiệm việc thu gom, vận chuyển rác thải ra đống ngoài bờ đê. Như vậy, mỗi hộ thu gom rác nhận được khoảng 400.000đ/tháng. Do tất cả các thành viên trong gia đình này đều tham gia thu gom rác nên họ chỉ làm tranh thủ không mất ngày, mất buổi. Việc duy trì hoạt động thu gom rác thải ở xóm Mới Cầu có vai trò quan trọng của các ông Câu Đương (như người Trưởng xóm). Họ đã cùng lãnh đạo thôn tiến hành họp xóm ngõ, đưa ra các quy định cho xóm ngõ thực hiện, như: các gia đình phải cho rác cho vào túi hoặc để vào thùng rác gần nhà và phải nộp phí vệ sinh hàng tháng.

Cũng thời điểm đó, trong số 6 xóm ngõ của thôn Thu Thủy chỉ có xóm Đồng tổ chức được tổ thu gom rác, nhưng không duy trì được. Ông Nguyễn Văn Khuê, Trưởng xóm cho biết “Năm ngoái xóm huy động được 2 bà nhưng chỉ làm được một buổi, hôm sau các bà lại không đi làm vì con các bà ấy không cho đi”. Cũng theo ông Khuê, khi đó thôn thống nhất thu phí vệ sinh theo khẩu, mỗi khẩu 1.000đ/tháng. Tính ra mỗi người đi thu gom rác được 600.000-700.000đ/tháng. Chỉ mất có vài ba buổi một tuần để được số tiền đó mà họ vẫn không chịu đi làm. Bác Nguyễn Văn Chúc, Trưởng xóm và Đội trưởng đội sản xuất xóm Chùa, tâm sự “Môi trường ô nhiễm lắm nhưng dân không chịu làm; mặt khác bị mọi người bôi bác làm nghề đó bẩn thỉu, ô nhiễm,... nên không ai làm”. Tuy vậy, bác vẫn khẳng định “Nay mai xóm ngõ cũng phải hợp để thành lập lại tổ thu gom rác. Tinh thần sẽ thu 2.000đ/khẩu/tháng. Vấn đề là sợ không có người làm”.

Việc vận động lấy người vào các tổ thu gom rác đang là vấn đề khó khăn ở xã Xuân Thu. Đã và đang xuất hiện dư luận xã hội coi việc làm này là bẩn, là xấu, là không xứng đáng. Người dân có một số nghề cho thu nhập cao nên không muốn tham gia làm công việc này và càng không muốn cha mẹ, ông bà làm nghề thu gom rác. Bác Nguyễn Văn Vân, gần 60 tuổi, thiếu tá về hưu, cho biết “Vấn đề không phải là tiền. Người dân ở đây có thể đi làm thuê ở nơi khác nhưng về làng thì không chịu làm”. Bác tâm sự “Nhiều khi tôi tự bảo hay mình làm vệ sinh cho xóm, nhưng lại ngại mọi người cho là Thiếu tá về hưu phải đi dọn vệ sinh”. Bác nhắc đi nhắc lại “Rác tập trung lên xe rồi nhưng không ai chịu đẩy xe đưa rác đi đổ”. Một cán bộ xã cho biết “Bộ đội đến đây xuống nương dọn vệ sinh, nhưng người dân lại chỉ đứng trên bờ nhìn không chịu xuống”.

Trước thực tế ô nhiễm môi trường nặng nề ở địa phương, với sự cố gắng của cả lãnh đạo và nhân dân trong xã, đã xuất hiện hướng giải quyết. Anh Lãm, cán bộ Môi trường xã, cho biết khoảng cuối tháng 5/2011, thôn Xuân Lai

đã thành lập được tổ Thu gom rác thải. Tổ có khoảng 10 người với một Tổ trưởng và một Tổ phó. Một tuần 2 lần các thành viên trong tổ có trách nhiệm thu gom rác thải trong thôn đem đi đổ. Bước đầu UBND xã hỗ trợ toàn bộ kinh phí chi trả cho mỗi người 50.000đ/ngày công thực tế, trong khi các gia đình chỉ phải đóng 5.000đ/tháng. Anh Nguyễn Văn Cường, Trưởng thôn Thu Thủy cho biết trong 6 xóm của thôn có xóm Phố hay xóm Đường 16 (nằm hai bên trục đường số 16), đã tổ chức và duy trì được hoạt động của tổ thu gom khoảng 4 - 5 tháng gần đây. Xóm có 74 hộ, mỗi khẩu đóng 2.000đ/tháng để thuê 2 người dân thôn Kim Thượng, xã Kim Lũ bên cạnh làm việc thu gom rác. Một tuần hai lần những người này tiến hành thu gom rác thải trong xóm đưa ra bãi rác gần Nghĩa Trang xã Kim Lũ để xe chở rác của huyện chở đi (theo hợp đồng với xã Kim Lũ). Theo tính toán của anh Cường, mỗi tháng một người chỉ mất 8 ngày công cho hoạt động này để thu về khoảng 400.000đ. Đây là cách thức tổ chức thu gom rác khá đặc biệt nhưng phù hợp với thực tế ở địa phương, khi kinh tế thị trường phát triển, là bài học kinh nghiệm cho các xóm ngõ khác học tập để nhân rộng trên địa bàn. Tuy nhiên, theo anh Cường, vấn đề rác thải của thôn Thu Thủy chỉ được giải quyết khi đoạn đường đê hơn một km từ làng ra đường 16 được đổ bê tông (đã hoàn thành vào đầu năm 2012). Cuối năm 2011 đây vẫn là con đường đất mấp mô, những ngày trời mưa đi bộ trên con đường này đã khó nói gì đến việc phải đẩy xe chở đầy rác!

Ngoài việc đầu tư cho việc tổ chức và duy trì các tổ thu gom rác, UBND xã Xuân Thu còn chú ý tới việc phát động phong trào vệ sinh đường làng ngõ xóm vào các dịp lễ tết bằng cách trích kinh phí đầu tư cho các thôn. Nhân dịp tết nguyên đán 2010, xã hỗ trợ gần 5 triệu đồng cho 3 thôn tiến hành tổng vệ sinh môi trường thôn xóm. Khác với khu 5, 6, 7 bên Thụy Lâm, vào những dịp này lãnh đạo thôn Thu Thủy đã để cho các xóm dùng số tiền đó thuê một số người dân trong xóm, trong ngõ thu dọn rác.

4. Một vài kết luận

Những cố gắng của lãnh đạo UBND xã, lãnh đạo các thôn/khu và cư dân khu 5, 6, 7 (xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh) trong việc khai thác các nét đẹp của văn hóa cộng đồng vào quản lý và bảo vệ môi trường, như xây dựng và triển khai *Quy ước dân chủ xây dựng thôn, làng văn hóa, an toàn, đảm bảo vệ sinh môi trường*, vận động các tổ chức xã hội tham gia tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm, tham gia quản lý và bảo vệ môi trường ở những con đường, những khu vực nhất định và ký kết với Xí nghiệp MTĐT huyện để chuyển rác thải ra bãi rác Nam Sơn; tổ chức, duy trì và cung cấp phương tiện hoạt động cho các tổ thu gom rác ở các thôn/khu,... đã góp phần không nhỏ vào việc giảm bớt tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn xã nói chung, các khu 5, 6, 7 nói riêng.

Trong *Quy ước dân chủ xây dựng thôn, làng văn hóa, an toàn, đảm bảo vệ sinh môi trường* vẫn còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết, như các quy định còn chưa cụ thể cho từng đối tượng, từng loại hình gia đình; phần khen thưởng, kỷ luật còn chung chung, chưa răn đe được các đối tượng gây ô nhiễm môi trường; hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường chưa thu hút được tất cả các tổ chức xã hội và toàn bộ cư dân tham gia; các nguồn rác thải còn chưa được kiểm soát, xử lý trước khi thải ra môi trường,... Đặc biệt, do tinh thần tự giác của cư dân chưa cao; tính cộng đồng chưa mạnh nên tình trạng ô nhiễm môi trường ở các khu 5, 6, 7 nói riêng và các thôn/khu trong xã Thụy Lâm nói chung, vào thời điểm hiện nay đã và đang ở mức báo động, dẫn tới nhiều tác động xấu đến sức khỏe và đời sống của cư dân.

Tương tự như vậy, những cố gắng của lãnh đạo UBND xã Xuân Thu, của lãnh đạo và cư dân thôn Xuân Lai và Thu Thủy trong việc đưa ra kế hoạch Tổ chức thực hiện công tác vệ sinh môi trường; thành lập Ban chỉ đạo công tác vệ sinh môi trường ở cấp xã và các tiểu ban ở cấp thôn; cung cấp xe chở rác cho các thôn và có chính sách hỗ trợ cho việc thành lập các tổ thu gom rác; vận động các tổ chức xã hội tham gia

tổng vệ sinh làng, xóm; các hộ dân đóng phí vệ sinh để thuê người thu gom và vận chuyển rác,... đã góp phần giảm bớt tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn. Tuy nhiên, ở đây cũng còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết, như chưa xây dựng và triển khai được Quy ước quản lý và bảo vệ môi trường; chưa tổ chức và duy trì được các tổ thu gom rác ở xóm ngõ; chưa thu hút được tất cả các tổ chức xã hội và toàn bộ cư dân tham gia các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường. Đặc biệt, đã và đang tồn tại luồng dư luận cho làm vệ sinh môi trường là công việc thấp kém, bần thiù,... người dân chưa thực sự quan tâm tới việc quản lý và bảo vệ môi trường nên môi trường 2 thôn nói riêng và toàn xã nói chung, đang ở trong tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng.

Nghiên cứu nhận ra thực trạng ô nhiễm môi trường ở hai khu vực, hai địa phương trên cũng như nghiên cứu để nhận thấy thực trạng quản lý và bảo vệ môi trường dựa trên văn hóa cộng đồng, những việc các thôn/khu đã làm được và chưa làm được trong việc khai thác các nét đẹp của văn hóa cộng đồng vào việc quản lý và bảo vệ môi trường là cơ sở, là nền tảng giúp cho nhóm nghiên cứu xây dựng và triển khai mô hình quản lý và bảo vệ môi trường dựa trên văn hóa cộng đồng ở chính các thôn/ khu kể trên.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Trọng Cúc, *Vai trò của tri thức địa phương đối với phát triển bền vững vùng cao, trong Nông nghiệp trên đất dốc - những thách thức và tiềm năng*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1996.
- [2] Phạm Quang Hoan, Tri thức địa phương về quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên của các dân tộc ở các tỉnh miền núi phía Bắc, *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 3 (2005) 85.
- [3] Ngô Đức Thịnh, Cầm Trọng, Hệ sinh thái với kinh tế và xã hội dân tộc Thái, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4 (1982) 29.
- [4] Hoàng Hữu Triết, Dân tộc học sinh thái và một số ý kiến về phương pháp nghiên cứu ở nước ta, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4 (1984) 19.
- [5] Đặng Bá Tiến, *Hơn 600 năm trước đã có hương ước bảo vệ môi trường*, w.w.w.laodong.com.vn/Tin-Tuc/Hon-600-nam-truoc-da-co-huong-uoc-bao-ve-moi-truong/45157.

- [6] Đinh Khắc Thuân (chủ biên), *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2006.
- [7] Hoàng Minh Đạo, Trương Quang Học, Per Bertilsson (2008), *Xây dựng hương ước bảo vệ môi trường cấp thôn bản*; Tài liệu Hội thảo “Đề xuất cơ chế chính sách nhân rộng các mô hình dịch vụ môi trường và các mô hình bảo vệ môi trường tiên tiến trong cộng đồng”, Cửa Lò, Nghệ An, 27-31/8/2008.
- [8] UBND thành phố Hà Nội, *Danh sách làng nghề đạt danh hiệu “làng nghề truyền thống Hà Nội” năm 2009* (Kèm theo Quyết định số 6846/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 của UBND thành phố Hà Nội).
- [9] Trương Sỹ Hùng (chủ biên), *Hương ước Hà Nội* (2 tập), NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2009.
- [10] UBND xã Thụy Lâm, *Quy ước dân chủ xây dựng thôn, làng văn hóa, an toàn, đảm bảo vệ sinh môi trường*, 2010.
- [11] Tổ chức Plan, *Báo cáo Đánh giá giữa kỳ Dự án nước sạch vệ sinh môi trường 5 xã Sóc Sơn*, Hà Nội, 2011.
- [12] Thôn Xuân Lai, *Quy ước làng văn hóa thôn Xuân Lai, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn*, thành phố Hà Nội, Hà Nội, 2000.
- [13] Thôn Yên Phú, *Quy ước làng văn hóa thôn Yên Phú, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn*, thành phố Hà Nội, Hà Nội, 2000.

The status of environmental management and protection based on the communal culture in some villages along Ca Lo river

Pham Van Loi

*Institute of Vietnamese Studies and development sciences, VNU,
336 Nguyen Trai, Hanoi, Vietnam*

Since ancient times, the communal culture has influenced to the environmental management and protection at different levels. It is the way people behave towards the environment, which has been stipulated by the rules, customs, and conventions of the Kinh people or the habits, customary law... of the ethnic minorities. It is also the public opinion and the social organizations' role to control and protect the environment. The article focuses on studying the status of environmental management and protection based on the communal culture in two villages Xuan Lai and Thu Thuy (Xuan Thu commune, Soc Son district, Hanoi City) and the areas 5, 6, 7 (Thuy Lam commune, Dong Anh district, Hanoi City) in the past and the present. The result will be used as the basis in order to build and develop models of environmental management and protection in these areas and it will be implemented on a larger scale in the future.